

Đạo Việt trong văn học Việt Nam

Trương Thị Tuyết Nương

Khoa Du lịch và Việt Nam học, Đại học Nguyễn Tất Thành
ttnuong@ntt.edu.vn, nuongasi@yahoo.com

Tóm tắt

Bài nghiên cứu tài liệu và thực nghiệm này tập trung vào Đạo Việt, hay đạo do Tổ tiên để lại cho con cháu. Đạo Việt gắn liền với Sử Việt, gồm giáo lí: thờ Trời, thờ cúng Tổ tiên và thương người. Hơn 90% người Việt đã theo Đạo Việt. Qua văn học Việt Nam và “văn hóa dân gian” - biểu hiện bởi ca dao, tục ngữ, chuyện cổ tích, thành ngữ, dân ca... Tổ tiên đã dạy về đạo lí, triết học, luân lí rất thâm thúy và ý nghĩa, truyền từ đời này sang đời khác. Tuy nhiên, Đạo Việt cần phải chấn hưng để càng ngày càng phát triển và cải tiến hoàn chỉnh hơn trong tương lai.

© 2020 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 01.06.2020

Được duyệt 04.06.2020

Công bố 29.06.2020

Từ khóa

Đạo Việt, sử Việt, thờ Trời, thờ cúng Tổ tiên, văn hóa Việt Nam

1 Mở đầu

Từ kho tàng văn học Việt Nam và trải nghiệm cuộc sống qua ca dao, tục ngữ, vè, dân ca, phong tục, truyện cổ tích... (gọi chung là văn học dân gian), cho thấy biết bao điều dạy của Tổ tiên về đạo lí, triết học, luân lí. Bên cạnh văn học dân gian, còn có thơ ca, phú, văn chương, nghệ thuật... Tư tưởng của văn học dân gian có thể nói gọn trong 4 chữ "thờ Trời, thương Người". Dòng máu Việt Nam nối kết từ thế hệ này sang thế hệ khác, kết hợp với tinh thần và nếp sống dân gian tạo thành một bản thể Việt Nam.

Bài viết "Đạo Việt trong văn học Việt Nam", diễn đạt một triết lí đặc thù, hướng dẫn người Việt cách sống, đường hướng tu thân được biểu hiện trong văn học. Đạo Việt còn được gọi đạo Tổ tiên, đạo Hiếu, đạo Tiên Rồng, đạo Nước (Quốc đạo), đạo cổ truyền, đạo Mẫu [1]. Tất cả đều chung một ý nghĩa: đạo do Tổ tiên để lại cho con cháu.

2 Sử Việt tóm lược

Đạo Việt gắn liền với sử Việt, xin lược qua về sử Việt [2]. Theo các nhà nhân chủng học, nhà sử học, nhà khảo cổ học, tộc Việt là giống nòi Lạc Việt thuộc dòng Bách Việt (còn gọi Viêm Việt) [3]. Khoảng năm 20.000 trước Công nguyên, Bách Việt có mặt trên khắp lục địa Trung Hoa và có nền văn hóa cao. Họ đã phát minh ra lửa, biết cày bừa, cấy lúa, chăn nuôi, bắt quái và đạo dịch.

Người Hán (người Hoa Hạ) từ vùng Thanh Hải, theo sông Dương Tử, tiến vào phía Bắc Trung Hoa, chiếm đất của Bách Việt. Cuộc chiến đằng dai giữa Hán và Bách Việt kéo

dài nhiều thế kỉ. Bách Việt thua và bị dồn về phía Nam. Tướng Hán là Hiên Viên thắng trận, xưng hiệu là Hoàng Đế, nước Trung Hoa. Người Hán nhận tất cả các phát minh của Bách Việt làm của mình và tổ chức xã hội theo sinh hoạt của dân tộc bản xứ, trong đó có cả chữ viết (chữ Tàu bây giờ là hậu thân của chữ Việt cổ).

Tới thời Viêm Đế thứ ba (vua của Bách Việt), trước sức bành trướng của Hán, vua Đế Minh đem 3 hệ: Âu Việt, Miêu Việt và Lạc Việt xuống vùng Năm Hồ, Năm Núi (Ngũ Lĩnh). Hệ Lạc Việt định cư ở Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Bắc và Trung Việt [4].

Vua thứ nhất của Lạc Việt là Kinh Dương Vương, kế là Lạc Long Quân, rồi đến triều đại Hùng Vương gồm 18 vị vua Hùng. Vua Hùng thứ nhất Hùng Hiền Vương đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc và Yên Bái hiện nay). Lãnh thổ Văn Lang gồm Bắc Việt và 3 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Xem như vậy, nước ta có hơn 4.000 năm văn hiến kể từ thời vua Hùng thứ nhất; và nếu kể từ thời Bách Việt nói chung và Lạc Việt nói riêng, dân ta có nền văn minh cao và là một xã hội có tổ chức trước khi người Hán xâm chiếm lục địa Trung Hoa [5].

Tiếp theo thời đại các vua Hùng là gần 1000 năm giặc Tàu đô hộ (207 TCN - 939 sau Công nguyên-SCN). Sau đó là thời kì tự chủ (939 - 1884). Kế tiếp gần 100 năm Pháp đô hộ (1884 - 1945). Từ năm 1945 trở đi, nước ta giành độc lập.

Trong bất kì thời đại nào, Tổ tiên ta cũng anh dũng chiến đấu bảo vệ giang sơn bờ cõi, đồng thời duy trì văn hóa nòi giống để khỏi bị ngoại bang đồng hóa.



3 Giáo lí trong Đạo Việt

Dựa trên văn hóa dân gian (VHDG) truyền miệng từ đời nọ sang đời kia, kể từ thời vua Hùng thứ nhất (2879 TCN), cộng thêm văn bản viết bằng chữ con quăng, còn gọi là chữ Nho cổ, trên trống đồng [6], cho thấy triết lí cao siêu của Tổ tiên (Thái Hòa, Nhân Chủ, Tâm Linh) và dựa trên chữ Nho, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ qua các thời đại, để tìm đạo lí trong Đạo Việt. Đạo lí đó có thể tóm tắt trong 3 đề mục: Thờ Trời, Thờ cúng Tổ tiên, Thương người.

3.1 Thờ Trời:

2.500 trước, chưa có khái niệm về Phật, Chúa, người Việt tin rằng Trời là đấng quyền phép vô cùng, tạo ra muôn vật muôn loài, hữu hình cũng như vô hình trong vũ trụ. Tin vào Đấng Tạo hóa là niềm tin rất tự nhiên của con người. Con người nhỏ bé và yếu đuối trước vũ trụ bao la huyền bí, mới cảm nhận được rằng chỉ có Trời mới có thể giải đáp một cách thỏa đáng mọi ưu tư của mình. Khởi đầu từ nguyên lí trên, Tổ tiên ta đã dày công xây dựng một tín ngưỡng mặc khải vượt cả không gian lẫn thời gian, không những đứng trong quá khứ, hiện tại mà cả tương lai.

Có thể nói 90% dân số người Việt theo Đạo Việt. Nhà nhà đều lập bàn thờ Trời (bàn Ông Thiên), tương tự như bàn thờ Thông Thiên (Phật giáo Hòa Hảo), hoặc Thiên Nhân (đạo Cao Đài).

3.1.1 Đấng Hằng hữu: Các đạo giáo Đông Phương chủ trương đấng tạo hóa không bản vị (thiên địa vạn vật đồng nhất thể), Người Việt tin rằng Trời là đấng hữu ngã, hữu vị, nên thường kêu Trời là “ông”:

Ông Trời có mắt

*

Lạy Ông nắng lên

Cho trẻ nó chơi

Cho già bắt rận

Cho tôi đi cày

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du (1765-1820) đã kêu tên "Ông Trời" tới hơn 30 lần. Nguyễn Khuyến (1835-1909) cho rằng Ông Trời là đấng cao siêu vô cùng, điều khiển mọi hiện tượng trong vũ trụ:

Cao cao muôn trượng ấy là tao
 Dầu pháo thẳng thiên chẳng tới nào
 Nhấn bảo dưới trần cho chúng biết
 Tháng Ba, tháng Tám tớ mưa rào.

(Trời Nói II)

3.1.2 Đấng Quan phòng: Trời tạo dựng nên vũ trụ, muôn loài, nên Trời có “trách nhiệm” nuôi dưỡng những loài thụ tạo. Người Việt đã diễn tả niềm tin đó qua một rặng ca dao, tục ngữ, mà chúng tôi chỉ đơn cử một vài dẫn chứng:

Trời sinh, Trời dưỡng.

*

Trời sinh voi, Trời sinh cỏ.

*

Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính.

*

Chạy Trời không khỏi nắng.

Không những Trời lo của ăn mà còn định cả việc dựng vợ gả chồng:

Anh đi Lục tinh giáp vòng,
 Tới đây Trời khiến cho lòng thương em.

*

Chữ nhân duyên Thiên tái nhất thì,
 Giàu ăn, khó nhịn, chứ có lo gì mà lo.

Lý Thường Kiệt (1036-1105) đã khẳng định mọi việc đều do Trời định, ngay cả biên cương một quốc gia:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

(Nam quốc sơn hà)

Nhờ niềm tin vào Trời, dân ta đã đánh thắng mọi giặc ngoại xâm hung hãn nhất qua các triều đại từ Hán, Tùy, Đường, Tống, cho đến Mông, Thanh. Giới sĩ phu như Nguyễn Công Trứ (1778-1858), Nguyễn Khuyến (1835-1909)... đều tin vào mệnh Trời, và phó thác mạng sống của mình cho Trời “Ý dân là ý Trời vậy”.

Đạo Việt được duy trì và phát triển qua ca dao, tục ngữ [7], phong tục [8].

3.1.3 Đấng “Đầy lòng thương xót”: Người Việt tin rằng Trời là đấng lòng lành vô cùng, từ bi hay thương xót kẻ thụ tạo. Gặp khó khăn, tai nạn, Người Việt chỉ còn biết cầu Trời cho tai qua nạn khỏi như:

Trăm sự nhờ Trời.

*

Lạy Trời mưa xuống,

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đây bát cơm

Lấy rơm đun bếp.

*

Trời cho hơn lo làm.

3.1.4 Đấng “Thương phạt và Phép tắc vô cùng”: Người Việt tin rằng Trời cảm cân nẩy mực, kẻ gian ác bị trừng phạt, người hiền lương được thưởng:

Trời nào có phụ ai đâu,
 Hay làm thì giàu, có chí thì nên.

*

Ở hiền thì lại gặp lành,
 Những người nhân đức Trời dành phúc cho.

Ở xời lời thì Trời gọi cho,

Ở xo lo thì Trời gói lại.

*

Phí của Trời, mười đời chẳng có.

Biết sự Trời, mười đời chẳng khó.

3.1.5 Cầu Trời:



Người Việt tin rằng, Trời là đấng quyền phép vô cùng và giàu lòng thương xót. Khi gặp tai họa, họ chỉ cầu Trời, luôn tỏ lòng biết ơn đấng đã phù trợ cho họ:

Ơn Trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.
Công lênh chẳng quản lâu đâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi! đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

*

Nhờ Trời mưa gió thuận hòa
Nào cày, nào cấy, trẻ già đua nhau
Chim gà, cá lợn, cànch cau
Mùa nào thức ấy giữ màu quê hương.

Qua câu chuyện Quả dưa hấu, xảy ra vào đời Hùng Vương thứ 18, Tổ tiên muốn nhắc nhở con cháu phải biết ơn Trời và dùng sự khôn ngoan của mình để tạo nên của cải vật chất làm giàu cho xã hội.

Mỗi nhà đều lập bàn thờ ông Thiên trước nhà. Cao điểm của lòng biết ơn là lễ tế Trời, còn gọi tế Nam Giao. Sau khi tắm gội sạch sẽ, một mình nhà vua lên lễ đài lộ thiên tế Trời, cầu cho quốc thái dân an.

3.2 Thờ cúng Tổ tiên:

Trong quan niệm của người Việt, linh hồn là điều thiêng liêng và bất diệt. Sống gửi thác về: sống là tạm bợ, còn chết là về cõi vĩnh hằng. Người Việt tin rằng Tổ tiên đi vào nước Trời, nhưng luôn ở với con cháu và con cháu cũng có thể giao tiếp với Tổ tiên. Tổ tiên luôn phù hộ con cháu khi gặp tai nạn, vui mừng khi con cháu thành đạt, khuyến khích con cháu khi gặp điều tốt và cũng quở trách con cháu khi làm điều tội lỗi. Bản phận chúng ta là sống thuận theo lẽ Trời và tuân theo lời dạy của Tổ tiên.

Tổ tiên ta trên hết là 18 vị vua Hùng, rồi đến các Thánh như Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Gióng), Sơn Tinh (Thánh Tản), Chúa Liễu Hạnh... các vị anh hùng dân tộc hiển thánh như Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... các vị Thần như Thành hoàng tại mỗi địa phương và sau cùng là cụ kị, ông bà, cha mẹ, họ hàng đã qua đời.

3.2.1 Tại mỗi nhà, gia chủ lập bàn thờ Ông Trời ở ngoài sân trước nhà và bàn thờ gia tiên trong nhà. Người Việt thường cúng gia tiên vào ngày Sóc (mùng một), ngày vọng (mười lăm), ngày giỗ, ngày Tết Nguyên Đán. Vào ngày giỗ, con cháu tụ họp đông đủ để nghe kể lại công đức của tiền nhân.

3.2.2 Tại mỗi làng đều có đình thờ Thành hoàng (người có công hoặc sáng lập ra làng) [9]. Nhiều làng còn có nhà thờ Họ như nhà thờ họ Hoàng, họ Bùi, họ Phạm, họ Trương... Cứ đến ngày mùng 1 và 15 âm lịch, ngày giỗ Thành hoàng, dân làng tụ tập để cử hành nghi lễ (lễ bុộc). Còn lễ nhớ là ngày giỗ Quốc Tổ, các Thánh và các anh hùng dân tộc.

3.2.3 Ở tầm quốc gia có đền thờ Quốc Tổ: đền Hùng tại Phong Châu, tỉnh Phú Thọ là mảnh đất thiêng của dân tộc

[10]. Vua Hùng có công dựng nước và giữ nước được tôn vinh Quốc Tổ. Lễ hội được tổ chức vào mùng 10 tháng 3 âm lịch.

Dù ai buôn đâu bán đâu
Đến ngày giỗ Tổ rủ nhau mà về.

Nơi sản sinh các anh hùng dân tộc đều có đền thờ:

+ Đền thờ An Dương Vương - Nhà vua chống lại quân xâm lược Triệu - tại xã Cổ Loa, Hà Nội.

+ Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương - Thánh Gióng dẹp tan giặc Ân vào thời vua Hùng thứ 6 - tại làng Phù Đổng, Hà Nội.

+ Đền thờ Hai Bà Trưng - Hai Bà đánh tan giặc Hán - tại làng Đồng Nhân, Hà Nội. Lễ hội hàng năm được tổ chức vào mùng 5 tháng 2 âm lịch.

+ Đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh tại phủ Tây Hồ, Hà Nội và tại phủ Giày, tỉnh Nam Định. Bà được tôn vinh là Thánh Mẫu và là một trong "Tứ bất tử". Lễ hội được tổ chức vào mùng 3 tháng 3 âm lịch, dân chúng nô nức về đây để cầu phước, cầu lộc.

+ Đền thờ Đức Trần Hưng Đạo tại làng Bảo Lộc, tỉnh Nam Định (quê hương của Ngài), tại Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, tỉnh Hải Dương, tại đường Võ Thị Sáu (TPHCM) và tại nhiều nơi khác. Ngài phá tan 100 vạn giặc Nguyên Mông. Lễ hội được tổ chức vào ngày 20 tháng 8 âm lịch.

3.3 Thương người:

Tổ tiên dạy con cháu phải yêu thương tha nhân: "Thương người như thể thương thân". Trong yêu thương, chữ hiếu là quan trọng hơn cả. Trước hết, con cháu phải báo hiếu Tổ tiên, sau đến ông bà, cha mẹ là những người có công nuôi nấng dạy dỗ ta:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Lòng hiếu thảo đối với bậc sinh thành được thể hiện không chỉ lúc sống mà còn cả khi qua đời thông qua việc tang chế, cúng bái, giỗ chạp.

Từ hiếu thảo chuyển sang tình yêu anh em, họ hàng, những người cùng chung máu mủ, rộng ra nữa tình yêu trai gái, vợ chồng:

Anh em nào phải người xa

Cùng chung cha mẹ một nhà cùng thân

Yêu nhau như thể tay chân

Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.

*

Tóc mai sợi ngắn sợi dài

Lấy nhau chẳng được thương hoài ngàn năm

*

Anh đi em ở lại nhà

Hai vai gánh vác mẹ già con thơ

Làm than bao quản nắng mưa,

Anh đi, anh liệu chen đưa với đời.



Truyện "Nàng Tô Thị hóa đá" tại tỉnh Lạng Sơn là biểu tượng lòng son sắt của người vợ đối với chồng. Từ tình yêu gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương đất nước, đồng bào:

Nhiều điều phù lấy giá gương
 Người trong một nước phải thương nhau cùng

*

Thấy người hoạn nạn thì thương
 Thấy người tàn tật lại càng trông nom
 Thấy người già yếu ốm mòn
 Thuốc thang cứu giúp cháo cơm đỡ dần
 Trời nào phụ kẻ có nhân

Người mà có đức muôn phần vinh hoa
 Sau chữ Hiếu là chữ Nhân, Nguyễn Trãi đã truyền dạy con cháu về lòng nhân ái trong Gia huấn ca [11].
 Và biết bao nhiêu bài học luân lí khác như đoàn kết tạo sức mạnh mà Tô tiên đã khuyên dạy chúng ta:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Không nên báo thù, ở đời làm ơn không bao giờ thiệt. Người ưa nịnh có khi thiệt hại đến thân. Buôn bán phải thật thà:

Tin nhau buôn bán cùng nhau
 Thiệt hơn thiệt trước sau như rời

Hay gì lừa đảo kiếm lời
 Một nhà ăn uống tội trời riêng mang

Theo chi những thói gian tham
 Pha phôi thật giả tìm đường đối nhau.

Của phi nghĩa có giàu đâu

Ở cho ngay thật ngày sau mới bền

Tình yêu không những dành cho đồng loại mà còn dành cho cả loài vật và thiên nhiên:

Trâu ơi ta bảo trâu này
 Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

Cây cày vốn nghiệp nông gia

Ta đây trâu đấy ai mà quản công

Khi nào cây lúa còn bông

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn

Đối sánh với Khổng giáo, Phật giáo, và Thiên Chúa giáo, giáo lí của Đạo Việt có nhiều điểm tương đồng như Kính Trời, Kính Phật, Kính Chúa; Yêu người: Tôn giáo nào cũng dạy ta phải ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức để được hưởng phước đời sau; những điều răn dạy của 3 tôn giáo đều tương

tự khi tìm hiểu qua luân lí của Đạo Việt, qua triết lí của Khổng Tử; kinh, luật, luận của Phật giáo, và qua thánh kinh của Thiên Chúa giáo. Các giáo lí của họ không khác mấy tôn chỉ "thờ Trời, thương Người" của Đạo Việt.

4 Kết luận

Đạo Việt có giáo lí minh bạch tập trung vào 3 đề mục: Thờ Trời, Thờ cúng Tô tiên, Thương người để định hướng người Việt sống lương thiện, thể hiện trong văn học và « văn hóa dân gian », nhưng Đạo Việt cũng không tránh khỏi lẽ luật lỗi thời, những mê tín dị đoan cần được bãi bỏ như:

- Đốt vàng mã cho người đã khuất,

- Thờ Quan Công, Lư Bội, Trương Phi là những tướng Tàu thời Tam Quốc (do ảnh hưởng phong tục Tàu trong một ngàn năm Bắc thuộc).

- Lên đồng, huyền đàn, cầu hồn, cúng vong, giải vong, báo oán, bói toán, xin xăm, thờ bà cô.

- Thờ thần Sông (Hà Bá), thần Núi, thần Biển. Thờ các con vật như: Hồ, cá voi.

- Khi khâm liệm, tránh để nước mắt rớt xuống thi hài, vì con cháu sẽ làm ăn khó khăn và con cháu phải canh giữ thi hài ngày đêm tránh để chó mèo... di chuyển qua thi thể nhằm tránh quỷ nhập tràng.

Tóm lại, người Việt tin rằng, Ông Trời là Đấng Hằng hữu (có mặt khắp mọi nơi), là Đấng Quan phòng (Trời sinh, Trời dưỡng), là Đấng Đầy lòng thương xót (cứu chuộc tội lỗi).

Đạo Việt đã tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống như lòng yêu nước, lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tính cộng đồng, tính cần cù, tính sáng tạo, tính ham học, đặc biệt là lòng yêu nước. Nhờ vậy, dân Việt không bị đồng hóa qua ngàn năm Bắc thuộc.

Đạo Việt cần được chấn hưng bằng cách soạn thảo bộ Kinh Việt, chỉnh trang nơi thờ tự, duy trì nghi lễ phục vụ cho bản sắc văn hóa của dân tộc và bãi bỏ những lẽ luật lỗi thời, những mê tín dị đoan, không khoa học...

Có thể nói rằng, dù theo tôn giáo nào, người Việt vẫn giữ đạo gốc do Tô tiên để lại. Đạo Việt không những là đạo chung cho cả người Việt mà còn là mẫu số chung cho tất cả các tôn giáo song hành với nhau để cùng xây dựng một xã hội ấm no và hạnh phúc ngay tại đời này cũng như đời sau...

Tài liệu tham khảo và chú thích

1. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nhà xuất bản: Tôn Giáo, Hà Nội
2. Trần Trọng Kim (1920), *Việt Nam Sử Lược*, Nhà xuất bản: Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội.
3. Nguồn gốc người Việt, Wikipedia tiếng Việt: vi.wikipedia.org/wiki/nguon_goc_nguoi_viet
4. Hà Văn Tấn (1998), *Theo dấu các văn hóa cổ*, Nhà xuất bản Xã Hội, Hà Nội, trang 335 - 401
5. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... (1993), *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Lương Kim Định (1984), *Sứ điệp trống đồng*, Nhà xuất bản Thanh niên Quốc gia, USA, 431 trang.
www.vietnamvanhien.org/su_diep_trong_dong
7. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (2019), *Tục ngữ, Phong Dao*, (Tập 1 & 2), Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội.
8. Phan Kế Bính (2009), *Việt Nam phong tục*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội
9. Thành hoàng của làng Xuân Bảng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định là Ngô Miễn. Ngài giúp vua Lê Lợi đánh đuổi quân Minh. Trong một trận ác chiến, quân ta thua to, Ngài nhảy xuống biển Kì La, tỉnh Nghệ An tự vẫn. Lễ hội làng được tổ chức vào ngày 12 tháng 2 ÂL.
10. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Wikipedia tiếng Việt: vi.wikipedia.org/wiki/tin_nguong_tho_cung_hung...
11. Nguyễn Trãi, *Gia Huấn Ca*. Thi Nham Đình Gia Thuyết đình chính và chú thích. Nhà xuất bản Tân Việt – Sài Gòn, 1953.

Vietnamese Ancestor Worship in literature

Tuyet Nuong Truong Thi

The Faculty of Tourism and Vietnamese Studies, Nguyen Tat Thanh University.

ttnuong@ntt.edu.vn, nuongasi@yahoo.com

Abstract The experiment and document survey focuses on Vietnamese religion left by Forefathers for young generation. Vietnamese religion was connected to Vietnamese history, consisted of catechism: worship of Heaven; worship of ancestors and loving people. More than 90% of Vietnamese people follow Vietnamese religion. Throughout some Vietnamese literature and “folklore” via folksongs, proverbs, fairy tales, sayings and so on, our ancestors taught us ethics, philosophy, and moral code/principles deeply and meaningfully from generation to generation. However, Vietnamese religion needs to be enlivened in order to further develop and improve in the future.

Keywords Vietnamese religion, Vietnamese history, Worship of Heaven, Worship of Ancestors, Vietnamese literature.